

Ngữ văn 7

HƯỚNG DẪN HỌC SINH KHỎI 7 TỰ HỌC

Tuần 6: 11/10/2021-15/10/2021- Tiết 21->24

Phần hướng dẫn	
- Dưới đây là phiếu hướng dẫn học tập. Phiếu gồm có 2 cột: một, <u>hướng dẫn học tập</u> và hai là <u>phần ghi bài</u>. - Học sinh đọc kỹ và thực hiện theo yêu cầu ở phần Hướng dẫn học tập, sau đó ghi bài vào vở.	
HƯỚNG DẪN HỌC TẬP	GHI BÀI
	Tiết 21: ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN BIỂU CẢM
I. Tìm hiểu đặc điểm của văn biểu cảm: Em đọc VD/84.85 ? Những phẩm chất của gương -Người viết, mượn gương để phê phán điều gì? - Bố cục. Em đọc VD/86 Em đọc * Ghi nhớ: (SGK / 86) Em đọc BT1/87 Trả lời các câu hỏi và thực hiện bài tập	I. Tìm hiểu đặc điểm của văn biểu cảm: 1. VD1(SGK) /84, 85. Tấm gương: - ...là người bạn chân thật suốt đời - ...không biết xu nịnh ai - ...dù gương có tan xương nát thịt vẫn cứ nguyên tấm lòng ngay thẳng - Gương ... không bao giờ nói dối, nịnh xằng - Ai mặt nhọ gương nhắc nhở ngay -Soi vào tấm gương lương tâm... -> Biểu hiện cảm xúc, tình cảm, thái độ của người viết, mượn gương để phê phán kẻ dối trá, biểu dương người trung thực. *Bố cục: 3 phần - MB: Nêu thẳng phẩm chất của gương. - TB: Ích lợi của tấm gương. - KB: Khẳng định phẩm chất của gương 2) VD2: (SGK/86) - Mẹ ơi! Con khổ quá mẹ ơi! -> Nỗi cô đơn, đau khổ, cầu mong sự giúp đỡ và cảm thông * Ghi nhớ: (SGK / 86) II. Luyện tập: BT: Văn bản “Hoa học trò” a) Bài văn thể hiện tình cảm nhớ thương, nỗi buồn khi phải xa trường, xa bạn bè. Việc miêu tả hoa phượng đóng vai trò là đối tượng biểu cảm mà qua đó nhà văn thể hiện cảm xúc của mình đối với thiên nhiên. b) Gọi hoa phượng là “hoa học trò” vì nó là biểu tượng của sự chia li ngày hè đối với học sinh.

Luyện tập? Đọc bài văn. -Bài văn biểu đạt tình cảm gì? Với đối tượng nào? - Em đặt nhan đề -Dàn ý của bài văn? -Phương thức biểu cảm ?	c. <u>Bước 3</u>: Diễn đạt thành văn d. <u>Bước 4</u>: Kiểm tra lại văn bản * Ghi nhớ: SGK/ 88. II. Luyện tập <u>Bài1</u> a. Bài văn biểu đạt tình yêu mến, thương nhớ và tự hào đối với An Giang – quê mẹ. Tác giả đã thể hiện qua những câu biểu cảm trực tiếp rất tha thiết . - Có thể đặt nhan đề :“ Quê mẹ, Quê hương An Giang, An Giang quê tôi, Quê mẹ mến yêu...” - Đặt một đề văn thích hợp :“ Cảm nghĩ về quê hương yêu dấu”. b. <u>Dàn ý của bài văn</u> MB: -Giới thiệu về quê hương An Giang TB: An Biểu hiện tình yêu mến quê hương. -Tình yêu quê từ tuổi thơ. -Tình yêu quê hương trong chiến đấu và những tấm gương yêu nước. KB: Tình yêu quê hương của người từng trải, trưởng thành. c. <u>Phương thức biểu cảm</u> :trực tiếp.
Đọc, tìm hiểu chú thích sgk/95 Đọc, tìm hiểu văn bản ? Với nghĩa thứ nhất, cái bánh trôi được miêu tả qua những chi tiết nào? Hãy liệt kê và phân tích? ? Các từ trắng, tròn gợi tính chất nào ở một sự vật? Em có nhận xét gì về từ ngữ miêu tả của tác giả? ? Từ đó giúp em cảm nhận vẻ đẹp nào của người phụ nữ?	Tiết 23: A. BÁNH TRÔI NƯỚC I. Đọc, tìm hiểu chú thích: 1. <u>Tác giả</u> :SGK/95 - Hồ Xuân Hương - Được mệnh danh là bà chúa thơ Nôm. 2. <u>Tác phẩm</u>: - Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường Luật II. Đọc, tìm hiểu văn bản: 1. <u>Hai câu đầu</u>: Thân em vừa trắng lại vừa tròn Bảy nổi ba chìm với nước non - Thân em -> Cách nói quen thuộc trong ca dao. -> Tả thực cái bánh; ẩn dụ cho vẻ đẹp thể chất hoàn hảo, khỏe mạnh, trong trắng của người phụ nữ. -> Thành ngữ (bảy nổi ba chìm), chơi chữ (nước non), đối lập (chìm-nổi), giọng oán trách xót xa => Thân phận long đong, phiêu dạt, trôi nổi, bấp bênh, xót

-Trong xã hội cũ, thân phận người phụ nữ như thế nào? Chìm nổi, đắng cay, bị vùi dập. -Lời thơ nào diễn tả điều ấy? -Em có nhận xét gì về nghệ thuật mà tác giả sử dụng ? -Qua đó em hiểu gì phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam ? Đọc ghi nhớ/95 Luyện tập	xa của người phụ nữ. 2. Hai câu sau: -Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn -> Giọng ngậm ngùi, cam chịu, hình ảnh ẩn dụ => Cuộc đời xô đẩy, không tự làm chủ, bị phụ thuộc. - Mà em vẫn giữ tấm lòng son. -> Giọng rắn rỏi -> thái độ thách thức bất chấp vượt lên số phận cuộc đời để giữ vững phẩm giá cao đẹp. => Phẩm chất cao quý của người phụ nữ Việt Nam và thái độ cảm thông cho thân phận chìm nổi, bấp bênh, bị lệ thuộc của họ. III. Tổng kết: <i>Ghi nhớ: SGK / 95</i> IV. Luyện tập: HS sưu tầm, ghi lại đầy đủ, chính xác các câu hát than thân bắt đầu bằng cụm từ: “Thân em...” B.SAU PHÚT CHIA LÍ (trích Chinh phụ ngâm khúc) Khuyến khích HS tự đọc
	Tiết 24: QUAN HỆ TỪ
Đọc VD/96,97 Xác định quan hệ từ? ý nghĩa?	I. Thế nào là quan hệ từ? <u>VD</u>: SGK/ 96, 97 a) đồ chơi của chúng tôi cũng chẳng có nhiều → ý nghĩa sở hữu. b) ... người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu → ý nghĩa so sánh. c) bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm → ý nghĩa nhân quả. d) mẹ thường ... nhưng hôm nay mẹ không tập trung được vào việc gì cả → ý tương phản, đối lập. e) Tôi học còn nó nghỉ. → so sánh, đối chiếu. ê) Tôi và nó là đôi bạn thân. → liệt kê. Quyển sách ở trên bàn.

Đọc ghi nhớ: SGK / 97	→ vị trí.
	* Ghi nhớ: SGK / 97
Đọc và trả lời các câu hỏi /97	II. Sử dụng quan hệ từ:
	<u>VD1</u>: SGK / 97. - Các câu a, c, e, i :không bắt buộc phải có quan hệ từ (dùng cũng được, không dùng cũng được)vì nghĩa của câu không đổi. -Các câu b, d, g, h: bắt buộc phải có quan hệ từ vì nếu không có quan hệ từ thì câu văn sẽ không rõ nghĩa. - Câu h: bắt buộc phải có quan hệ từ vì không có quan hệ từ thì câu văn sẽ đổi nghĩa - Cặp quan hệ từ tương ứng: nếu...thì, vì ... nên, tuy... nhưng, hễ ...thì, sở dĩ... là vì. - Đặt câu:
Đặt câu	+ Nếu trời mưa thì đường sẽ rất trơn. + Tuy nhà xa nhưng Lan luôn đi học đúng giờ + Hễ gió thổi mạnh thì điều bay cao. + Hễ cậu khóc thì tớ sẽ về ngay. -> Quan hệ từ : nếu... thì, vì nên, tuy ... nhưng,hễ...thì, sở dĩ...vì, được dùng thành cặp. Ghi nhớ 2: sgk/98
	III. Luyện tập:
Luyện tập	<u>BT1</u>: SGK / 98
	- của, còn, với, như, và, mà, nhưng, cũng như, cho
	<u>BT2</u>: SGK / 98
	- Lần lượt điền các từ: với, và, với, với, nếu, thì, và
	<u>BT3</u>: SGK / 98
	Câu đúng: b, d, g, i, k ,l
	Câu sai: a, c, e, h.
	<u>BT 4</u>: SGK / 99
	Viết đoạn văn ngắn
	<u>BT5</u> : SGK / 99
	a) Có ý khen
	b) Có ý chê

Hết tuần 6.
Chúc các em học tốt!